TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP LỚP K11 - CC 3

Học kỳ I - Năm học 2023 - 2024

MÔN HỌC : KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

STT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60 %	Điểm TB môn	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
1	202206002	LÊ THUẬN	AN	13/08/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
2	202206009	ĐÀO HÀ	ANH	30/06/2004	10.00	10.00	9.90	**9.9**	**A+**	
3	202206016	LẠI QUỲNH	ANH	21/05/2004	9.50	8.10	8.10	**8.2**	**B+**	
4	202206023	NGUYỄN BẮC BẢO	ANH	13/09/2003	10.00	8.80	8.90	**9.0**	**A+**	
5	202206030	NGUYỄN NỮ NHẬT	ANH	08/03/2004	9.50	8.60	8.30	**8.5**	**A**	
6	202206037	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ANH	14/05/2004	9.90	10.00	9.50	**9.7**	**A+**	
7	202206043	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	29/02/2004	9.90	9.50	7.90	**8.6**	**A**	
8	202206049	PHẠM PHƯƠNG	ANH	21/02/2004	9.80	8.00	9.00	**8.8**	**A**	
9	202206055	TRẦN THỤC	ANH	05/02/2004	9.10	9.90	9.00	**9.3**	**A+**	
10	202206061	ĐỖ THỊ MINH	ÁNH	27/10/2004	10.00	8.80	9.00	**9.0**	**A+**	
11	202206067	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	26/01/2004	9.90	8.80	8.70	**8.9**	**A**	
12	202206075	LÊ NGUYÊN	CHIẾN	30/10/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
13	202206081	NGUYỄN THÚC TIẾN	ĐẠT	05/01/2004	10.00	9.40	9.40	**9.5**	**A+**	
14	202206087	NGUYỄN HỒNG	ĐỨC	05/09/2004	9.00	8.80	9.00	**8.9**	**A**	
15	202206094	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	14/08/2003	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
16	202206100	NGÔ THÙY	DƯƠNG	05/09/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
17	202206106	LÊ KHẮC	DUY	04/11/2004	10.00	10.00	9.90	**9.9**	**A+**	
18	202206115	PHAN THỊ HƯƠNG	GIANG	14/08/2004	9.50	8.30	8.50	**8.5**	**A**	
19	202206123	ĐÀM VIỆT	HÀ	17/08/2003	9.90	7.70	8.00	**8.1**	**B+**	
20	202206130	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	14/06/2004	9.90	8.60	9.00	**9.0**	**A+**	
21	202206136	NGUYỄN LỤC NGỌC	HÂN	16/06/2003	10.00	8.50	8.40	**8.6**	**A**	
22	202206142	PHẠM MINH	HẠNH	23/11/2004	8.30	7.30	7.90	**7.8**	**B**	
23	202206149	NGÔ THÚY	HIỀN	26/06/2004	8.30	8.90	9.00	**8.9**	**A**	
24	202206156	ĐỖ THỊ	HOA	23/06/2004	9.20	8.80	9.00	**9.0**	**A+**	
25	202206163	NGUYỄN HUY	HOÀNG	20/05/2004	10.00	10.00	8.90	**9.3**	**A+**	

STT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60 %	Điểm TB môn	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
26	202206172	NGÔ KIM	HUỆ	16/07/2004	8.30	8.70	9.10	**8.9**	**A**	
27	202206178	LƯƠNG THU	HƯƠNG	30/12/2004	9.20	9.80	9.10	**9.3**	**A+**	
28	202206187	NGUYỄN QUANG	HUY	20/09/2004	8.90	8.40	8.20	**8.3**	**B+**	
29	202206193	NGÔ LƯƠNG KHÁNH	HUYỀN	06/11/2004	10.00	10.00	9.10	**9.5**	**A+**	
30	202206200	NGUYỄN THANH	HUYỀN	12/10/2004	9.40	10.00	9.60	**9.7**	**A+**	
31	202206207	PHẠM QUỐC	KHÁNH	02/09/2004	9.20	8.60	8.80	**8.8**	**A**	
32	202206215	TRỊNH QUANG	LÂM	30/11/2004	10.00	9.90	8.70	**9.2**	**A+**	
33	202206221	ĐỖ NHẬT	LỆ	12/09/2004	8.70	7.10	8.00	**7.8**	**B**	
34	202206227	ĐỖ HOÀNG KHÁNH	LINH	16/02/2004	10.00	8.90	8.40	**8.7**	**A**	
35	202206234	NGÔ THÙY	LINH	29/12/2004	9.10	8.10	8.50	**8.4**	**B+**	
36	202206241	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	16/04/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
37	202206247	TRỊNH DIỆU	LINH	21/01/2004	8.60	8.70	9.00	**8.9**	**A**	
38	202206254	NGUYỄN HOA	LỢI	10/08/2004	10.00	9.50	9.40	**9.5**	**A+**	
39	202206262	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LY	20/06/2004	9.90	9.00	9.00	**9.1**	**A+**	
40	202206265	HÀ NGỌC	MAI	19/01/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
41	202206270	TRỊNH THỊ	MAI	05/06/2004	10.00	8.00	8.50	**8.5**	**A**	
42	202206279	NGUYỄN TRÀ	MY	31/08/2004	10.00	10.00	10.00	**10.0**	**A+**	
43	202206285	HOÀNG THỊ	NGA	13/02/2004	10.00	8.30	8.50	**8.6**	**A**	
44	202206292	ĐOÀN THỊ ÁNH	NGỌC	23/02/2004	10.00	9.70	9.00	**9.3**	**A+**	
45	202206300	ĐÀM LÂM	NHI	27/09/2004	8.60	8.00	8.60	**8.4**	**B+**	
46	202206306	TRẦN THỊ YẾN	NHI	25/11/2004	10.00	8.30	8.50	**8.6**	**A**	
47	202206314	NGUYỄN LÊ TUẤN	PHONG	07/07/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
48	202206320	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	26/04/2004	10.00	9.00	8.00	**8.5**	**A**	
49	202206326	PHẠM MINH	PHƯƠNG	16/02/2004	9.80	8.20	8.80	**8.7**	**A**	
50	202206335	TRẦN ĐỨC MẠNH	QUÂN	26/04/2004	10.00	8.70	9.00	**9.0**	**A+**	
51	202206342	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	24/04/2004	9.40	7.20	8.00	**7.9**	**B**	
52	202206350	NGUYỄN THỊ VÂN	THANH	14/02/2004	8.70	8.40	8.70	**8.6**	**A**	
53	202206357	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/12/2004	8.90	8.60	8.00	**8.3**	**B+**	
54	202206364	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	25/08/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
55	202206372	NGUYỄN HỒNG	THƯƠNG	12/10/2004	10.00	7.10	8.40	**8.2**	**B+**	

STT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60 %	Điểm TB môn	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
56	202206379	NGUYỄN NGỌC	THÙY	05/12/2004	8.80	5.30	8.80	**7.8**	**B**	
57	202206386	NGUYỄN XUÂN	TRÀ	20/12/2004	10.00	7.80	8.40	**8.4**	**B+**	
58	202206397	NGUYỄN LINH	TRANG	31/07/2004	10.00	10.00	9.50	**9.7**	**A+**	
59	202206403	NGUYỄN THÙY	TRANG	23/10/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
60	202206409	NGUYỄN NGỌC	TRUNG	20/11/2003	8.90	8.50	8.70	**8.7**	**A**	
61	202206417	NGUYỄN THẾ	TUẤN	11/10/2003	10.00	9.80	9.10	**9.4**	**A+**	
62	202206424	TRẦN THỊ THẢO	VÂN	09/08/2003	10.00	6.40	7.90	**7.7**	**B**	

GIẢNG VIÊN